

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Nâng cấp, xây dựng mới các công trình đầu mối, các bể chứa, hệ thống đường ống và các công trình phụ trợ để tạo nguồn cấp nước tưới ổn định, phục vụ sản xuất, vận chuyển sản phẩm cho 310 ha vùng trồng cam; tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất vùng sản xuất cam, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người sản xuất.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

Xây dựng mới 07 trạm bơm, 06 đập dâng; xây dựng hệ thống đường ống, bể trữ, bể tạo áp, trạm biến áp và đường điện cấp điện cho các trạm bơm; nâng cấp một số tuyến đường phục vụ quản lý vận hành và sản xuất.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng TSC – Viện thủy điện và Năng lượng tái tạo.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Ths. Nghiêm Xuân Giang.

7. Địa điểm xây dựng: Tại các huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

8. Diện tích đất sử dụng:

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 3,43 ha.

- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 5,01 ha.

9. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Cấp công trình: Cấp IV

- Mức đảm bảo tưới: 75%

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước: - Thiết kế cơ sở

- Thiết kế BVTC-DT

11. Phương án xây dựng : Theo hình thức làm mới. Cụ thể:

11.1. Các công trình đầu mối:

11.1.1. Các đập dâng:

- Xây dựng 06 đập dâng, kết cấu bằng bê tông M150 bọc bê tông cốt thép M250. Các thông số kỹ thuật như bảng sau:

TT	Tên công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Bề rộng tràn (m)	Chiều dài bể tiêu năng (m)
1	Thôn Sơn Thành	+134,5	7,2	4,2
2	Thôn Giàn Thượng tuyến 1	+235,5	10,0	5,0
3	Thôn Giàn Thượng tuyến 2	+144,0	8,0	5,0

Số: **4123/QĐ-BNN-TCTL**Hà Nội, ngày **30 tháng 10 năm 2019****QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Dự án đầu tư Hệ thống thủy lợi tưới cho vùng đất dốc huyện
Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4529/QĐ-BNN-KH ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thủy lợi tưới cho vùng đất dốc huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang;

Xét văn bản số 3421/UBND-KTTH ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Hà Giang và Tờ trình số 309/TTr-SNN ngày 22/10/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt dự án Hệ thống thủy lợi tưới cho vùng đất dốc huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang, kèm theo Báo cáo thẩm tra số 162/BCTTCSTL-KTCT ngày 23/10/2019 của Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật thủy lợi và hồ sơ thiết kế do Liên danh Công ty cổ phần xây dựng TSC – Viện thủy điện và Năng lượng tái tạo lập;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số **258/BC-TCTL-XDCB** ngày **25/10/2019** của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Hệ thống thủy lợi tưới cho vùng đất dốc huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống thủy lợi tưới cho vùng đất dốc huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang.



2020 là 10,5 tỷ đồng; số vốn còn lại bố trí trong giai đoạn 2021 – 2025, chỉ được triển khai thực hiện khi được bố trí vốn.

- Vốn ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp: 15 tỷ đồng, đầu tư một số tuyến đường (phần còn lại) để quản lý vận hành, phục vụ sản xuất và vận chuyển sản phẩm, đầu tư hệ thống tưới mặt ruộng trong thời gian thực hiện dự án, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện theo Khoản 2, Điều 16 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ Về Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Thời gian thực hiện dự án: 5 năm, từ năm 2020-2024.

16. Loại dự án: Nhóm B.

17. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế chi tiết:

- Tính toán thiết kế lựa chọn tối ưu về máy bơm; số lượng và dung tích bể chứa; kích thước và chủng loại đường ống cho phù hợp với diện tích tưới của từng khu tưới, phương pháp tưới, bảo đảm kinh tế, kỹ thuật, giảm thiểu chi phí trong quản lý, vận hành.

- Khảo sát, đánh giá kỹ về địa chất, địa hình vị trí xây dựng bể chứa, thiết kế kết cấu bể bảo đảm ổn định, kinh tế; bố trí các tuyến đường ống thuận lợi cho quản lý, vận hành cấp nước;

- Về biện pháp thi công: Tư vấn thiết kế cần lập chi tiết biện pháp thi công cho các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện địa hình, tiết kiệm chi phí.

- Tính toán kiểm tra, đánh giá kỹ về nguồn nước đối với các khu tưới: Sơn Thành, Giàn Thượng (tuyến 1 và tuyến 2) để thiết kế công trình phù hợp, bảo đảm đủ nguồn nước cho diện tích thiết kế.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

- Tổng cục Thủy lợi thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang:

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; chỉ đạo tổ chức thực hiện phần bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng đảm bảo đáp ứng tiến độ dự án.

- Có trách nhiệm bố trí vốn Ngân sách địa phương thực hiện các hạng mục theo phân giao tại Khoản 13 Điều 1 Quyết định này, đáp ứng tiến độ dự án.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, xã (thuộc vùng dự án) tổ chức quản lý vận hành, phát triển khu tưới các công trình sau khi xây dựng hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng.

4	Thôn Hồng Thái tuyến 1	+43,0	30,0	5,0
5	Thôn Hồng Thái tuyến 2	+48,0	10,0	5,0
6	Thôn Đồng Ngàn và Khuổi Mù	+34,5	8,0	5,0

- Sửa chữa, nâng cấp tràn xả lũ hồ Sơn Đông: kiểu tràn máng bên, bề rộng ngưỡng tràn $B = 10\text{m}$; kết cấu bằng BTCT M250.

11.1.2. Các trạm bơm:

- Xây dựng mới 07 trạm bơm phục vụ cho 07 khu tưới (Yên Thượng, Sơn Thành, Sơn Đông, Giàn Thượng tuyến 1, Đồng Ngàn và Khuổi Mù, Hồng Thái tuyến 1, Hồng Thái tuyến 2); lưu lượng thiết kế trạm bơm $2 \times 75\text{m}^3/\text{h} - 2 \times 100\text{m}^3/\text{h}$. Nhà trạm được kết hợp làm nhà quản lý, kết cấu: tường xây gạch VXM M100; mái BTCT M200.

11.2. Bể chứa

Xây dựng 17 bể chứa cho các khu tưới; mặt cắt bể hình thang, kết cấu bằng các tấm BTCT M200 đổ tại chỗ, bên dưới lót vải chống thấm.

11.3. Hệ thống đường ống:

Lắp đặt hệ thống đường ống bằng loại đường ống HDPE, tổng chiều dài các tuyến đường ống là 57.803m.

11.4. Các tuyến đường điện:

Xây dựng các tuyến đường điện trung thế, hạ thế với tổng chiều dài 6,9km và 7 trạm biến áp cho các trạm bơm.

11.5. Đường quản lý vận hành, phục vụ sản xuất và vận chuyển sản phẩm nông nghiệp:

- Sửa chữa, nâng cấp 6,1km đường giao thông nội đồng, bề mặt rộng $B=3\text{m}$, kết cấu BTCT M250 dày 18cm.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá Quý II năm 2019 của tỉnh Hà Giang là: **95.000.000.000 đồng** (Chín mươi lăm tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	69.818.005.000 đ
- Chi phí thiết bị:	1.175.303.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	1.419.221.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.604.819.000 đ
- Chi phí khác:	1.544.945.000 đ
- Chi phí bồi thường GPMB:	1.200.000.000 đ
- Chi phí dự phòng:	10.230.798.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 80 tỷ đồng, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đầu mối, bể chứa, hệ thống đường ống, đường điện và một số tuyến đường quản lý vận hành, phục vụ sản xuất và vận chuyển sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, vốn giai đoạn 2016-

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Hà Giang;
- Kho bạc NN tỉnh Hà Giang;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL (18b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

HƯNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số 3317 Quyển: 1

26-12-2019

CÔNG CHUNG VIÊN



Mã Trọng Hưng

6	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn lập dự án	20.638	20.638	
7	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát giai đoạn BVTC	42.000	42.000	
8	Chi phí khảo sát giai đoạn BVTC (tạm tính)	1.400.000	1.400.000	
9	Chi phí giám sát công tác khảo sát BVTC	56.504	56.504	
10	Chi phí thiết kế BVTC	1.272.075	1.272.075	
11	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	80.989	80.989	
12	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	78.196	78.196	
13	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu			
+	Tư vấn khảo sát thiết kế BVTC	16.988	16.988	
+	Thi công xây dựng	102.632	102.632	
+	Mua sắm thiết bị	3.303	3.303	
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.348.884	1.348.884	
15	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	8.439	8.439	
16	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (tạm tính)	300.000	300.000	
17	Chi phí tư vấn xây dựng mô hình quản lý (tạm tính)	490.000	490.000	
18	Chi phí tư vấn xây dựng giá sử dụng nước (tạm tính)	490.000	490.000	
V	Chi phí khác	1.544.945	1.544.945	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	383.364	383.364	
2	Phí thẩm định dự án	6.080	6.080	
3	Phí thẩm định thiết kế	13.964	13.964	
4	Phí thẩm định dự toán	13.964	13.964	
5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	75.014	75.014	
6	Chi phí kiểm toán	619.685	619.685	
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	182.875	182.875	
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công (tạm tính)	250.000	250.000	
VI	Chi phí GPMB (tạm tính)	1.200.000		1.200.000
VII	Dự phòng	10.230.798	10.110.798	120.000
	Tổng cộng kinh phí	95.000.000	80.000.000	15.000.000

u

Phụ lục:

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Hệ thống tưới cho vùng đất dốc Huyện Bắc Quang và Quang Bình, tỉnh Hà Giang

(Kèm theo Quyết định số 4123/QĐ-BNN- TCTL ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



STT	Khoản mục chi phí	Kinh phí (1000 đồng)		
		Kinh phí	Ngân sách Nhà nước do Bộ NNPTNT quản lý	Ngân sách Nhà nước do Tỉnh quản lý và nhân dân đóng góp
I	Chi phí xây dựng	69.818.005	56.151.231	13.666.775
1	Cụm công trình Yên Thượng	7.859.690	7.859.690	
2	Cụm công trình Sơn Thành	7.788.547	7.788.547	
3	Cụm công trình Sơn Đông	7.864.601	7.864.601	
4	Cụm công trình thôn Giàn Thượng - tuyến 1	5.222.928	5.222.928	
5	Cụm công trình thôn Giàn Thượng - tuyến 2	13.571.464	8.677.189	4.894.275
6	Cụm công trình thôn Hồng Thái -tuyến 1	5.859.259	5.859.259	
7	Cụm công trình thôn Hồng Thái -tuyến 2	4.257.314	4.257.314	
8	Cụm công trình thôn Đồng Ngần và Khuổi Mù	8.621.702	8.621.702	
9	Hệ thống tưới tiết kiệm đến mặt ruộng	8.772.500		8.772.500
II	Chi phí thiết bị	1.175.303	1.175.303	
1	Thiết bị trạm bơm	560.780	560.780	
2	Thiết bị cơ khí thủy công	614.523	614.523	
III	Chi phí quản lý dự án	1.419.221	1.419.221	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	9.604.819	9.604.819	
1	Chi phí lập dự án đầu tư			
-	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	2.910.149	2.910.149	
-	Chi phí lập BCNCKT	447.949	447.949	
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát giai đoạn DABT	112.157	112.157	
3	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát	87.304	87.304	
4	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường (tạm tính)	250.000	250.000	
5	Chi phí thẩm tra dự án đầu tư	86.612	86.612	

u